

Số: 06/2024/QĐST-HNGĐ

Hoài Nhơn, ngày 03 tháng 01 năm 2024

**QUYẾT ĐỊNH**  
**CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN**  
**VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**

Căn cứ hồ sơ vụ án dân sự thụ lý số: 497/2023/TLST-HNGĐ ngày 20 tháng 11 năm 2023, giữa:

- Nguyên đơn: Chị **Đỗ Bích V**, sinh năm 1977

Địa chỉ: **Tổ A, khu phố F, phường B, thị xã H, tỉnh Bình Định.**

- Bị đơn: Anh **Trần Đình T**, sinh năm 1975

Địa chỉ: **Tổ A, khu phố F, phường B, thị xã H, tỉnh Bình Định.**

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào Điều 55 và 59 của Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 26 tháng 12 năm 2023,

**XÉT THẤY:**

Việc thuận tình ly hôn và thỏa thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 26 tháng 12 năm 2023 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

**QUYẾT ĐỊNH:**

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa chị **Đỗ Bích V** và anh **Trần Đình T1**.

2. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về hôn nhân: Chị **Đỗ Bích V** và anh **Trần Đình T1** thuận tình ly hôn.

- Về con chung: Có hai con chung tên **Trần Đỗ Duy L**, sinh năm 1996 và **Trần Đỗ Tường V1**, sinh năm 1997; anh **L** và chị **V1** đều đã thành niên nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về chia tài sản: Ghi nhận sự thỏa thuận phân chia tài sản chung, nợ chung theo Biên bản thỏa thuận ngày 28 tháng 11 năm 2023 của chị **Đỗ Bích V** và anh

**Trần Đình T**, cụ thể như sau:

+ Giao toàn bộ ngôi nhà và thửa đất số hiệu 153D, tờ bản đồ 14, diện tích sử dụng 89,87m<sup>2</sup> (trong đó diện tích xây dựng 80m<sup>2</sup>) tọa lạc tại **Số B đường T, phường B, thị xã H, Bõnh Định** (ngôi nhà tọa lạc trên đất) cho anh **Trần Đình T1** trọn quyền sở hữu, sử dụng (Theo Giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà và Quyền sử dụng đất đã cấp theo Hồ sơ gốc số 217/HN do **UBND tỉnh B** cấp ngày 27/12/1999).

+ Anh **Trần Đình T1** phải thôi lại cho chị **Đỗ Bích V** số tiền 1.000.000.000đ (một tỷ đồng).

+ Anh **Trần Đình T1** có nghĩa vụ trả nợ cho bà **Trần Thị L1** ở **khu phố T, phường H, thị xã H**; bà **Trần Thị Thanh L2**, ở **số nhà B Q, phường B, thị xã H**; bà **Trần Thị X**, địa chỉ **B Q, phường B, thị xã H** khi đến hạn hoặc khi các chủ nợ có yêu cầu.

*Kể từ ngày quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.*

- Chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ tài sản: 1.500.000đ (một triệu năm trăm nghìn đồng), chị **Đỗ Bích V** tự nguyện nộp (đã nộp xong).

- Về án phí:

+ Án phí dân sự sơ thẩm về Hôn nhân và gia đình: Chị **Đỗ Bích V** chịu 150.000đ (Một trăm năm mươi nghìn đồng) sung vào công quỹ Nhà nước. Chị **V** đã nộp tạm ứng án phí 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) theo Biên lai thu tạm ứng án phí số 0005939 ngày 20/11/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã Hoài Nhơn được tính trừ; còn lại hoàn trả chị **V** 150.000đ (Một trăm năm mươi nghìn đồng).

+ Án phí dân sự sơ thẩm đối với việc phân chia tài sản chung: Chị **Đỗ Bích V**, anh **Trần Đình T1** được miễn nộp vì đã thỏa thuận trước khi hòa giải và yêu cầu Tòa án ghi nhận.

Hoàn trả lại cho chị **Đỗ Bích V** số tiền 1.000.000đ (một triệu đồng) theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí tòa án số 0005940 ngày 20/11/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã Hoài Nhơn.

**3.** Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

*“Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự”.*

## **THẨM PHÁN**

### **Nơi nhận:**

- Dương sự;
- VKSND thị xã Hoài Nhơn;
- Chi cục THADS thị xã Hoài Nhơn;
- UBND phường Bồng Sơn (Giấy CNKH số 117, ngày 27/12/1995);
- Lưu: Hồ sơ vụ án.

**Nguyễn Thanh Vương**